

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;
2. Ông Phạm Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 951/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1969; thường trú: L Th M, khóm B, Phường B, thành phố C M, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 121/14 khu phố T Ph 1, phường T B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Hiếu S, sinh năm 1965; thường trú: L Th M, khóm B, Phường B, thành phố C M, tỉnh Cà Mau; địa chỉ nơi làm việc: Số 15 đường ĐT743, khu công nghiệp S Th 2, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thúy L, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố Ch L, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phụng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Phan Hiếu S có thời gian tìm hiểu khoảng 06 năm thì tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Ph L, huyện H D, tỉnh Minh Hải (nay là xã Ph L, huyện Ph L, tỉnh Bạc Liêu), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số I cấp ngày 29/6/1988. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Ph sinh sống tại địa chỉ xã Ph L, huyện H D, tỉnh Minh Hải, đến năm 1990 chuyển về sinh sống tại L Th M, khóm B, Phường B, thành phố C M, tỉnh Cà Mau. Năm 2012, hai vợ chồng chuyển lên thị xã D A, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu bà Ph và ông S sống rất hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống không đầm ấm do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn với ông Phan Hiếu S.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Ph và ông Phan Hiếu S có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm H, sinh ngày 07/01/1984 và Phan Thành Đ, sinh ngày 01/10/1986. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Phan Hiếu S* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập bị đơn ông Phan Hiếu S yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vào ngày 11/10/2019 nhưng ông S vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập ông S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/10/2019 nhưng ông S vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn xin không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được. Vào các ngày 13/11/2019 và ngày 29/11/2019, Tòa án triệu tập ông Phan Hiếu S tham gia phiên tòa nhưng ông S vắng mặt không lý do.

- *Người làm chứng chị Trần Thúy L trình bày:* Chị L và bà Ph cùng làm việc chung tại Công ty D Đ, chị L biết được mâu thuẫn của gia đình bà Ph và ông S là do ông S cờ bạc, số đề không chú tâm làm ăn dẫn đến nợ nần.

- *Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 25/9/2019 tại UBND phường D A, thị xã D A thể hiện:* Hội Liên hiệp phụ nữ phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ph và ông Phan Hiếu S, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông S.

- *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Phan Hiếu S tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm H, sinh ngày 07/01/1984 và Phan Thành Đ, sinh ngày 01/10/1986, hiện các con đã trưởng thành. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Ph và ông S đã kéo dài, hai vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn của bà Phượng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Phan Hiếu S được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ 02 lần vào các ngày 13/11/2019 và ngày 29/11/2019 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Phan Hiếu S là vợ chồng, tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph L, huyện H D, tỉnh Minh Hải (nay là xã Ph L, huyện Ph L, tỉnh Bạc Liêu), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số I cấp ngày 29/6/1988 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Bà Ph xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay nên bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông S. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông S đến làm việc nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, ông S cũng không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, ông S cũng không có văn bản thể hiện thiện chí đưa ra phương án hàn gắn mối quan hệ giữa ông với bà Ph vì vậy có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà Ph và ông S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu được ly hôn với ông Phan Hiếu S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Phan Hiếu S có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm H, sinh ngày 07/01/1984 và Phan Thành Đ, sinh ngày 01/10/1986. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph đối với ông Phan Hiếu S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ph được ly hôn với ông Phan Hiếu S (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số I do Ủy ban nhân dân xã Ph L, huyện H D, tỉnh Minh Hải (nay là xã Ph L, huyện Ph L, tỉnh Bạc Liêu) cấp ngày 29/6/1988).

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Ph không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029308 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Ph L, huyện Ph L, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công